

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt “Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc năm 2017”

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12/10/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-UBDT ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt “Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2016 - 2020”;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc năm 2017”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban, Giám đốc Trung tâm Thông tin và Thủ trưởng các Vụ, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBDT (để b/c);
- Các TT, PCN UBDT;
- Vụ KHTC;
- Công TTĐT UBDT;
- Lưu: VT, TTTT. 43

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Phan Văn Hùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG
CỦA CƠ QUAN ỦY BAN DÂN TỘC NĂM 2017
(Ban hành kèm theo Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 31/10/2016
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

I. Căn cứ lập Kế hoạch

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/06/2006;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12/10/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của UBND;
- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc;
- Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển CNTT-TT đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;
- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/04/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/07/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu bền vững và hội nhập quốc tế;
- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020.
- Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính của UBND giai đoạn 2013-2020.

- Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 21/06/2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND phê duyệt "Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan UBND giai đoạn 2016-2020";

- Công văn số 2718/BTTTT-THH ngày 10/8/2016 của Bộ Thông tin Truyền thông về việc Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 và xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2017.

II. Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT năm 2016

Trong năm 2016, Ủy ban Dân tộc (UBND) đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ trọng tâm như: chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra, đôn đốc thực hiện các chủ trương, giải pháp phát triển và ứng dụng CNTT trong cơ quan UBND. Các nhiệm vụ được giao đã được thực hiện theo Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2016 của UBND.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban trong hoạt động ứng dụng CNTT, UBND đã kịp thời ban hành các văn bản, quy chế, đưa nội dung báo cáo đánh giá ứng dụng CNTT trong các cuộc họp giao ban hằng tuần của Lãnh đạo Ủy ban và Bản tin Tham khảo phục vụ Lãnh đạo của Trung tâm Thông tin cung cấp cho các đồng chí Lãnh đạo Ủy ban, lãnh đạo các Vụ/đơn vị và các Ban Dân tộc địa phương. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc đã thành lập Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin của UBND do 01 đồng chí Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm làm Trưởng ban, Thủ trưởng đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của Ủy ban làm Phó Trưởng ban Thường trực và thành viên là Thủ trưởng các Vụ, đơn vị trực thuộc Ủy ban. Giúp việc cho Ban chỉ đạo có Tổ Thư ký do Thủ trưởng đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của Ủy ban làm Tổ trưởng, Thành viên là các cán bộ phụ trách công nghệ thông tin của các Vụ, đơn vị. Nhờ có sự chủ động tích cực của đơn vị thường trực Ban chỉ đạo và Tổ thư ký, tiếp thu và xử lý kịp thời các khó khăn vướng mắc trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin nên hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của Ủy ban Dân tộc ngày càng có nhiều chuyển biến tích cực.

Trong tháng 09/2016 Ban chỉ đạo Ứng dụng CNTT của UBND đã tổng kết 05 năm xây dựng Bộ Cơ sở dữ liệu các dân tộc thiểu số Việt Nam (2011-2015), sơ kết 03 năm triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp (2013-2016), báo cáo kết quả triển khai xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ lãnh đạo trên Ipad.

A. Những kết quả đạt được:

1. Môi trường pháp lý:

- Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 05/04/2016 Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND về ban hành Quy chế đảm bảo an ninh trên mạng thông tin trong hoạt động của UBND;

- Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 05/04/2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND về ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống thư điện tử của UBND;

- Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 21/06/2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan UBND giai đoạn 2016-2020.

2. Hạ tầng kỹ thuật

2.1 Hệ thống máy chủ, lưu trữ

Hệ thống máy chủ của UBND bao gồm 16 máy chủ, tất cả máy chủ được sử dụng cho các dịch vụ và ứng dụng, trong đó có 9 máy chủ được đầu tư và bổ sung theo Dự án “Xây dựng, nâng cấp hệ thống Cổng thông tin tích hợp dịch vụ công và phần mềm quản lý điều hành tác nghiệp cho UBND” giai đoạn I và giai đoạn II; các máy chủ chính phải chia sẻ tài nguyên dùng chung cho nhiều ứng dụng.

Hệ thống máy chủ đa phần sử dụng hệ điều hành Microsoft Windows Server 2012, còn 03 máy chủ sử dụng Microsoft Windows Server 2008, 01 máy chủ sử dụng hệ điều hành Microsoft Windows Server 2003. Trong đó, đối với máy chủ cài đặt hệ điều hành Windows Server 2003 (hiện tại không còn được hỗ trợ cập nhật kỹ thuật từ hãng), không có khả năng nâng cấp lên hệ điều hành cao hơn do cấu hình các máy tính cũ thấp nên hệ thống hoạt động không được an toàn, ổn định.

Năm 2016 đầu tư 01 thiết bị tủ đĩa lưu trữ NetApp FAS2554 High Availability System đáp ứng nhu cầu lưu trữ đảm bảo hiệu quả và an toàn.

2.2 Hệ thống mạng và đường truyền Internet

Toàn bộ hệ thống máy tính của UBND (trừ máy tính soạn thảo tài liệu mật) đều được kết nối mạng LAN (22/22 đơn vị); đối với các đơn vị quản lý nhà nước đặt tại trụ sở chính của Ủy ban đều được kết nối mạng WAN (17/22 đơn vị); đối với các đơn vị sự nghiệp đặt ở xa trụ sở chính đều được kết nối mạng WAN và bước đầu kết nối tới hệ thống mạng nội bộ của Ủy ban theo mô hình point-to-site (5/22 đơn vị); về cơ bản hệ thống mạng bước đầu đảm bảo khả năng truy cập thông tin thống nhất trong toàn cơ quan UBND

Các thiết bị kết nối mạng đã được quan tâm đầu tư, bước đầu bảo đảm cho hoạt động của hệ thống trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, một số thiết bị mạng trung tâm (core switch, switch các toà nhà...) chưa được đầu tư dự

phòng, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động chung của hệ thống trong trường hợp các thiết bị gặp lỗi.

Tại trụ sở chính UBND đã lắp đặt 02 đường truyền cáp quang kết nối Internet (01 đường truyền cáp quang Leased line của Bưu điện Trung ương có tốc độ 40Mbps, 01 đường truyền FTTH của Viettel làm chức năng dự phòng); 01 đường truyền cáp quang kênh trắng của Supernet đến trụ sở 02 của UBND (141 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội); 03 đường cáp quang FTTH đến 2 Vụ địa phương (Đắk Lắk, Cần Thơ) và Văn phòng đại diện Thành phố Hồ Chí Minh phục vụ truy cập Internet và kết nối VPN với hệ thống mạng nội bộ của UBND. Bước đầu các đường truyền đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng Internet của cán bộ, công chức, viên chức.

2.3 Hệ thống máy vi tính cá nhân

UBND hiện đã trang bị trên 404 máy vi tính cho cán bộ, công chức, viên chức; đạt tỷ lệ 98% được trang bị máy tính; trong đó đa phần các máy tính đều sử dụng trên 05 năm, nên ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả làm việc. Các máy vi tính được kết nối mạng LAN, mạng Internet thường xuyên theo quy định của Cơ quan.

Các phần mềm hệ điều hành và phần mềm ứng dụng trên máy vi tính đa phần là không có bản quyền, có khoảng 50% máy tính sử dụng hệ điều hành Microsoft Windows XP (không còn được cập nhật bảo mật và kỹ thuật từ hãng), 45% sử dụng hệ điều hành Windows 7 và 5% sử dụng hệ điều hành khác. Do các máy vi tính đa phần sử dụng hệ điều hành không có bản quyền, không được cập nhật bảo mật từ hãng nên ảnh hưởng không nhỏ đến sự hoạt động ổn định của hệ thống.

2.4. Hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

Hệ thống tường lửa bảo mật (firewall) đã được đầu tư, phục vụ hoạt động bảo mật vùng biên của hệ thống mạng; đồng thời được trang bị, bổ sung thiết bị bảo mật mạng, thiết bị bảo mật quét virus và lọc thư rác cho hệ thống thư điện tử. Hệ thống tường lửa, phát hiện và phòng, chống truy cập trái phép IDS/IPS đã được xây dựng giai đoạn I, tuy nhiên mới chỉ thực hiện nhiệm vụ bảo mật kết nối Internet; giai đoạn II được trang bị và bổ sung thêm 01 thiết bị tường lửa bảo vệ ứng dụng và dịch vụ, 01 thiết bị tường lửa bảo vệ phân vùng DC (DataCenter).

Tổng số mạng cục bộ được bảo vệ bởi hệ thống tường lửa, hệ thống phát hiện và phòng, chống truy cập trái phép là 19 đơn vị (trong đó 17 đơn vị quản lý nhà nước, 02 đơn vị sự nghiệp); 01 văn phòng đại diện và 03 đơn vị sự nghiệp chưa có hệ thống tường lửa bảo vệ.

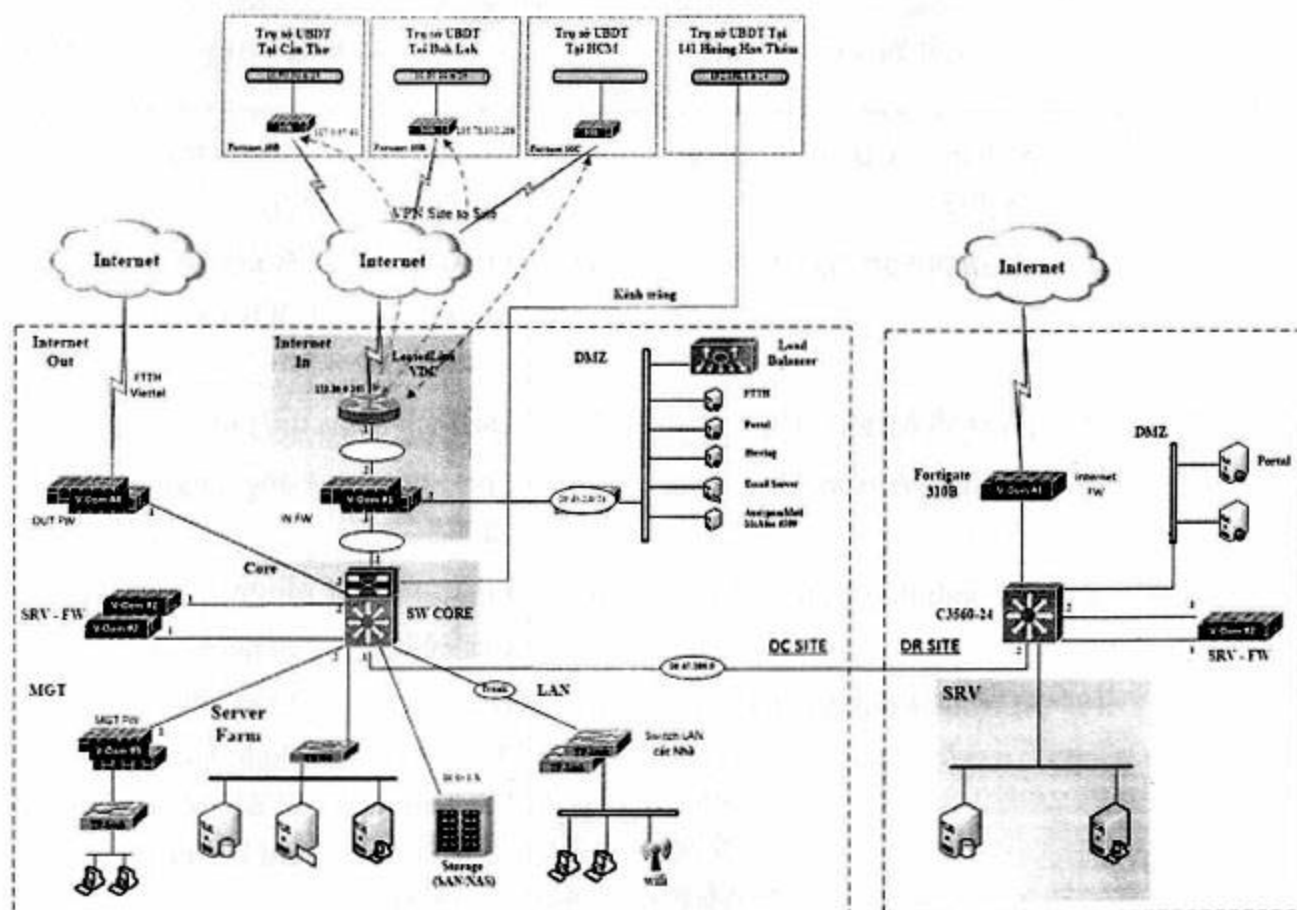
Việc bảo mật và phòng chống virus, spy, malware... tại các máy trạm chưa được đầu tư sử dụng phần mềm có bản quyền, đa số vẫn sử dụng các phần mềm miễn phí.

Danh mục hệ thống bảo mật, máy chủ và thiết bị mạng

T T	Thiết bị - Cấu hình	Số lượng	Dịch vụ, ứng dụng	T.gian mua	Ghi chú
I	Hệ thống máy chủ:				
1	IBM X226-Xeon 3,2GHz, 512 GB RAM, 80 GB HDD	01	Cài đặt dịch vụ DNS nội bộ	2004	Cấu hình thấp.
2	IBM 3650M2, 32GB RAM, 146 x 2GB + 300 x 2 HDD	01	Cài đặt phần mềm quản lý văn bản	2008	
3	Server Mini IBM M4-, 8GB RAM, 1TB HDD	01	Cài đặt dịch vụ phát thanh truyền hình	2014	
4	IBM 3650 M3-Xeon (R) E6506 2.13Ghz, 64GB RAM, 500Gb x4 + 1TB x 1 HDD	01	Cài đặt ảo hóa máy chủ dự phòng Cổng TTĐT UBND, máy chủ dự phòng hosting	2010	
5	IBM 3650 M3-Xeon (R) E5507 2.27Ghz, 64GB RAM, 1TB x 3 HDD	01	- Cài đặt ảo hóa máy chủ Cổng TTĐT UBND - Cài đặt ảo hóa máy chủ hosting - Cài đặt ảo hóa máy chủ Cơ sở dữ liệu văn bản	2011	
6	IBM 3650 M4-Xeon (R) E5-2620 2.0GHz (12CPUs), 48GB RAM, 500Gb x 6 HDD	02	Cài đặt clustering dịch vụ Thư điện tử	2014	
7	LENOVO X3550 M5-02 x E5-2620v3, 64GB RAM, 2 x 2TB HDD	02	- Cài đặt máy chủ Web Portal Servers Cổng Thông tin điện tử: 01 máy - Cài đặt máy chủ Web Back-end (application Servers) Cổng Thông tin điện tử: 01 máy	2015	

T T	Thiết bị - Cấu hình	Số lượng	Dịch vụ, ứng dụng	T.gian mua	Ghi chú
8	LENOVO X3550 M5-02x E5-2620v3, 128GB RAM, 2 x 2TB HDD	01	Cài đặt máy chủ Database Servers Cổng Thông tin điện tử	2015	
9	FUJITSU PRIMERGY RX2530 M1 4x 2.5" expandable, 02 x Intel XeonE5-2620v3 ,4 x 16GB (1x16GB) RAM, 02 x HD SATA 6G 2TB	3	Cài đặt dịch vụ CSDL 53 dân tộc. Cổng thông tin điện tử dự phòng. Các dịch vụ dự phòng.	2016	
10	FUJITSU PRIMERGY RX2530 M1 4x 2.5" expandable, 02 x Intel XeonE5-2620v3 ,8 x 16GB (1x16GB) RAM, 02 x HD SATA 6G 2TB	1			
11	FUJITSU PRIMERGY RX2530 M1 4x 2.5" expandable, 02 x Intel XeonE5-2620v3 ,4 x 8GB (1x8GB) RAM, 02 x HD SAS 6G 300GB	1			
12	FUJITSU PRIMERGY RX2540 M1 8x 2.5" expandable, 02 x Intel Xeon E5-2603v3 , 8x 16GB (1x16GB) RAM, 02 x HD SAS 6G 300GB	1			
II	Hệ thống thiết bị mạng và bảo mật trung tâm:				
1	Switch Cisco 500G, 8 port (quang)	01	Kết nối mạng LAN tại khu vực trụ sở UBNDT (VLAN)	2005	
2	Switch Cisco 500G, 24 port	02	Kết nối mạng LAN tại khu vực trụ sở UBNDT	2005	
3	Switch Cisco 3560G, 24 port	01	Kết nối mạng LAN tại khu vực trụ sở UBNDT	2009	
4	ToR Switch Cisco 3650, 48 port	01	Kết nối mạng LAN tại trụ sở UBNDT (VLAN)	2015	

T T	Thiết bị - Cấu hình	Số lượng	Dịch vụ, ứng dụng	T.gian mua	Ghi chú
5	Switch Cisco Catalyst 4506-E	01	Kết nối mạng LAN tại trụ sở UBND (VLAN)	2016	
6	Firewall FortiGate 600C	02	Firewall/VPN kết nối với các Vụ/đơn vị bên ngoài	2013 & 2016	
7	Firewall McAfee 4500	01	Quét virus, lọc thư rác	2013	
8	Radware Alteon 5208	01	Firewall bảo vệ ứng dụng và dịch vụ.	2016	
9	Firewall FortiGate 310B	01	Firewall/VPN kết nối với các Vụ/đơn vị bên ngoài	2009	
10	Firewall FortiGate 80C	01	Đặt tại Văn phòng đại diện Hồ Chí Minh làm Firewall/VPN kết nối với hệ thống mạng nội bộ trụ sở UBND	2009	
11	Firewall FortiWifi 30B	02	Đặt tại Vụ II và Vụ III, làm Firewall/VPN kết nối với hệ thống mạng nội bộ trụ sở UBND	2009	



Hình 01: Sơ đồ hiện trạng kết nối hệ thống mạng Ủy ban Dân tộc

Như vậy, hiện tại hạ tầng kỹ thuật tại UBND chưa hoàn thiện triển khai theo nhu cầu thực tế. Trong thời gian tới cần tiếp tục được xây dựng, nâng cấp toàn diện phục vụ ngành công tác dân tộc.

3. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

3.1. Tổ chức và nguồn nhân lực chuyên trách về CNTT

a) Hiện trạng

UBND đã từng bước hoàn thiện hệ thống tổ chức của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin (Trung tâm Thông tin) với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức ban hành tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 03/04/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND, trung tâm Thông tin có 06 phòng, với tổng số là 44 cán bộ trong đó:

- Biên chế 27 đ/c:
 - + Tiến sỹ: 01 đ/c;
 - + Thạc sỹ: 01 đ/c;
 - + Đại học: 18 đ/c;
 - + Cao đẳng: 07 đ/c;
- Cán bộ hợp đồng:
 - + Thạc sỹ: 01 đ/c;
 - + Đại học: 15 đ/c;
 - + Trung cấp: 01 đ/c;

Căn cứ vào kết quả thực tiễn các hoạt động chuyên môn, có thể đánh giá năng lực một số cán bộ chuyên trách làm công tác CNTT còn hạn chế trong tham mưu, đề xuất trong những dự án lớn, lực lượng công chức, viên chức còn thiếu so với yêu cầu công việc.

3.2. Năng lực ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức

a) Hiện trạng

Năm 2016, UBND đã tổ chức nhiều lớp tập huấn, hướng dẫn về ứng dụng CNTT. Đến nay, 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng máy vi tính và các ứng dụng, phần mềm của máy tính (Word, Excel...) trong các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn; 85% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng máy tính để truy cập Internet, khai thác các thông tin trên mạng phục vụ nhiệm vụ chuyên môn; 80% cán bộ, công chức, viên chức đã thành thạo và thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử cá nhân của Ủy ban trong việc trao đổi thông tin; trên 50% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp của UBND trong quản lý văn bản và điều hành công việc; khoảng 20% cán bộ, công chức, viên chức có khả năng tự quản lý và phòng chống virus, malware trên máy tính.

b) Đánh giá

Cơ sở vật chất về CNTT còn thiếu, một số cán bộ chưa được trang bị máy vi tính cá nhân, trong khi đó nhiều máy tính cá nhân đã cũ và lạc hậu; năng lực và trách nhiệm ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức trong UBND nói chung còn hạn chế, nhiều lĩnh vực chưa đạt được mục tiêu đề ra của Chính phủ.

4. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan

4.1. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND đã triển khai nâng cấp trên nền tảng công nghệ của Microsoft (Sharepoint/SQL server); phần mềm đã được ứng dụng đến các Vụ, đơn vị trực thuộc UBND, đảm bảo trên 90% văn bản đi/đến được trao đổi trên môi trường mạng, trừ các văn bản mật theo quy định. Đến nay, hệ thống đã kết nối đến Trực liên thông của Chính phủ và 02 Ban Dân tộc. Năm 2017 cần tiếp tục được đầu tư kinh phí đảm bảo hạ tầng kỹ thuật và công nghệ để hệ thống triển khai toàn diện, đồng bộ cho cơ quan làm công tác dân tộc và đảm bảo kết nối liên thông với các hệ thống khác của cơ quan bộ, ngành liên quan.

4.2. Hệ thống thư điện tử

Hệ thống thư điện tử của UBND đang sử dụng phần mềm Mail Exchange 2013. Hệ thống thư điện tử được quản trị và cung cấp cho mỗi cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban một hộp thư riêng, với số lượng 496 hộp thư, trong đó có 445 hộp thư của Ủy ban và 51 hộp thư của các Ban Dân tộc.

Hệ thống thư điện tử đã được đầu tư hệ thống chống thư rác bước đầu đã hạn chế được một số nguy cơ về mất an toàn thông tin trên hệ thống thư điện tử.

Số lượng hộp thư điện tử hiện nay chưa cung cấp đủ tài khoản cho cán bộ làm công tác dân tộc trên toàn quốc do không được cấp kinh phí mua bản quyền.

4.3. Hệ thống hội nghị truyền hình

Phần mềm và thiết bị đã được trang bị ban đầu phục vụ các cuộc họp của Lãnh đạo Ủy ban với các Vụ địa phương II, III và cơ quan thường trực tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, do thiết bị đã cũ, hệ thống âm thanh - ánh sáng của hội trường không đảm bảo nên một số cuộc họp chất lượng tín hiệu kém và không ổn định. Trong năm 2017, tiếp tục đầu tư kinh phí về mở rộng hệ thống Hội nghị Truyền hình đảm bảo khả năng kết nối đến các Vụ đơn vị ở xa nằm ngoài Ủy ban, đồng thời tích hợp kết nối được hệ thống Hội nghị Truyền hình của các Bộ, ngành và các tỉnh thành trên cả nước.

4.4. Các phần mềm phục vụ nghiệp vụ, chuyên môn

Hệ thống thông tin phục vụ chuyên môn bao gồm 12 phân hệ (theo Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 21/06/2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND phê duyệt Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan UBND giai đoạn 2016-2020). Giai đoạn 2011-2015 đã triển khai đưa vào sử dụng 05 phân hệ xây dựng: Phần mềm quản lý cán bộ; phần mềm quản lý thi đua-khen thưởng; phần mềm văn thư-lưu trữ; phần mềm quản lý đơn thư, khiếu nại-tổ cáo; phần mềm Báo cáo tài chính.

Theo kế hoạch, năm 2016 chưa được đầu tư kinh phí để triển khai. Do đó, trong năm 2017 cần tiếp tục được đầu tư kinh phí để nâng cấp và xây dựng để đảm bảo yêu cầu thực tế tại UBND. Nhằm đảm bảo các cán bộ của Ủy ban 100% sử dụng các phần mềm để quản lý chuyên môn.

5. Ứng dụng CNTT phục vụ doanh nghiệp và người dân

Cổng thông tin điện tử UBND được khai trương ngày 03/05/2013, hoạt động theo giấy phép số 58/GP-TTĐT do Cục Quản lý phát thanh truyền hình

và thông tin điện tử cấp ngày 02/05/2013; hoạt động của Cổng thông tin điện tử tuân thủ theo Luật Báo chí, Luật Công nghệ thông tin và các văn bản của nhà nước về quản lý báo chí, ứng dụng CNTT&TT trong cơ quan nhà nước. Hoạt động của Cổng thông tin điện tử được quản trị bởi đội ngũ cán bộ thuộc Trung tâm Thông tin, do Giám đốc Trung tâm Thông tin chỉ đạo và chịu trách nhiệm chính.

Cổng Thông tin điện tử với chức năng tích hợp thông tin của ngành và lĩnh vực công tác dân tộc, cung cấp các thông tin phục vụ hoạt động chỉ đạo điều hành của UBNDT, thông tin hoạt động của cơ quan công tác dân tộc tại địa phương. Hằng ngày, Cổng thông tin luôn được đội ngũ biên tập cập nhật các thông tin như: Chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Ủy ban; lịch làm việc của Lãnh đạo Ủy ban và Lãnh đạo Vụ, đơn vị; danh bạ điện thoại; hoạt động cải cách hành chính; đăng tải các dự thảo văn bản xin ý kiến... Qua đó góp phần tăng cường hiệu quả cho mọi hoạt động của cơ quan, rút ngắn thời gian trao đổi, giải quyết công việc giữa các Vụ, đơn vị cũng như giữa các cơ quan ở địa phương với UBNDT.

Với việc cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu về hoạt động của cơ quan làm công tác dân tộc, Cổng thông tin điện tử ngày càng trở thành địa chỉ hết sức quan trọng phục vụ Lãnh đạo, công chức, viên chức ứng dụng, khai thác thông tin phục vụ giải quyết công việc một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Thực hiện lộ trình Chính phủ điện tử (CPĐT), cùng với xu thế phát triển của truyền thông Internet, những năm gần đây hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin của UBNDT thường xuyên được đầu tư, nâng cấp. Năm 2015-2016, UBNDT đã triển khai Dự án “Xây dựng, nâng cấp hệ thống Cổng thông tin tích hợp dịch vụ công và phần mềm quản lý điều hành tác nghiệp”, song song với đó là việc đầu tư mua sắm hệ thống máy chủ, đảm bảo cho Cổng Thông tin điện tử và các dịch vụ, ứng dụng công nghệ hoạt động ổn định, phục vụ đắc lực, hiệu quả hoạt động của Lãnh đạo UBNDT.

Cổng Thông tin điện tử của UBNDT đã thường xuyên cập nhật, cung cấp các thông tin về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc đến với đồng bào dân tộc thiểu số cũng như các cán bộ làm công tác dân tộc ở cơ sở, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả việc thực hiện chính sách dành cho đồng bào dân tộc thiểu số, đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân.

Từ đầu năm đến nay, Cổng Thông tin điện tử của UBNDT đã cung cấp hơn 2.700 tin, bài, video về lĩnh vực công tác dân tộc, chính sách dân tộc và tình hình vùng dân tộc thiểu số với trên 3 triệu lượt người truy cập đến từ 100 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Cổng Thông tin Điện tử cung cấp dịch vụ truyền phát trực tuyến kênh phát thanh và truyền hình dân tộc (kênh trực tuyến VTV5). Từ đầu năm đến nay đã có 4.650 video clip bản tin đa phương tiện được cập nhật vào 18 chuyên mục (thời sự, điểm báo tuần, đại đoàn kết các dân tộc, chính trị xã hội, kinh tế, giáo dục, pháp luật, nông nghiệp, giải trí...) với 20 thứ tiếng dân tộc và trên 700.000 lượt người truy cập; từng bước hình thành một kho dữ liệu đa phương tiện về các lĩnh vực đời sống xã hội, phục vụ trực tiếp hoạt động nghiệp vụ chuyên môn của UBND, cũng như nhu cầu cung cấp thông tin cho các tổ chức và cá nhân quan tâm đến công tác dân tộc.

Cổng Thông tin điện tử được tích hợp các trang website thành phần như: Trang tin Chương trình 135 và các Chương trình dự án giảm nghèo; Trang tin về phòng chống ma túy, mại dâm, HIV/AIDS; Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; Thủ tục hành chính (mức độ 2) và các chuyên trang khác. Các website này cũng cung cấp hằng ngàn tin, bài mỗi năm, góp phần đa dạng thêm các nguồn thông tin cho Cổng Thông tin điện tử. Hằng tháng, Cổng Thông tin điện tử thu hút hàng triệu độc giả truy cập khai thác thông tin.

6. Việc triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

Qua nhiều năm, UBND đã từng bước tiến hành thu thập, phát triển cơ sở dữ liệu dân tộc thiểu số, nhưng do kinh phí hạn chế, phương pháp thực hiện chưa phù hợp, nên dữ liệu còn hạn chế rất nhiều, mới chỉ hình thành một số cơ sở dữ liệu qua các năm như:

- Năm 2013: Xây dựng module văn bản, chính sách trên Cổng thông tin điện tử và module quản lý các chỉ tiêu của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009;

- Năm 2014: Tổng hợp, bóc tách số liệu dân tộc từ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, số liệu được thể hiện trên Bản đồ mức tỉnh, thành phố;

- Năm 2015, 2016: Xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu trên hệ điều hành của thiết bị di động để phục vụ cung cấp số liệu cho Lãnh đạo, cán bộ đi họp và công tác;

Ngoài ra, thông qua các chương trình hợp tác với Unicef, UBND đã cập nhật một số dữ liệu vào phần mềm CemInfo như: Cơ sở dữ liệu 5 cuộc điều tra, cơ sở dữ liệu dân số các dân tộc Việt Nam, cơ sở dữ liệu tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II... số liệu này hiện đang được tích hợp trong hệ điều hành nội bộ tại Ủy ban.

Cơ sở dữ liệu qua các năm đã được UBND thu thập, tổng hợp nhưng do không được lưu trữ tập trung, đồng bộ, thiết bị lưu trữ không đảm bảo dẫn đến khó khăn trong công tác quản trị, vận hành hệ thống và phát triển cơ sở

dữ liệu; đồng thời khó khăn trong công tác tra cứu, khai thác của cán bộ làm công tác dân tộc, dữ liệu không có khả năng chia sẻ, kết nối liên thông đến các Bộ ngành và Ban dân tộc các tỉnh, thành phố.

Từ những thực trạng trên đây, trong thời gian tới, Ủy ban Dân tộc cần nghiên cứu xây dựng Hệ thống thông tin và sở dữ liệu về các dân tộc thiểu số Việt Nam để chuẩn hóa và thu thập thông tin, số liệu đầy đủ phục vụ cho các cơ quan, tổ chức làm công tác dân tộc là rất cần thiết và phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước.

7. Tổng hợp các nhiệm vụ, dự án thực hiện đầu tư năm 2016

T T	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp/Dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Phạm vi đầu tư	Nội dung đầu tư	Thời gian đầu tư	Nguồn vốn	Trạng thái triển khai
1	Dự án: Xây dựng, nâng cấp hệ thống Công thông tin tích hợp dịch vụ công và phần mềm quản lý điều hành tác nghiệp cho UBND	Trung tâm Thông tin	Ứng dụng CNTT phục vụ công tác dân tộc	Dự án chuyển tiếp từ năm 2015	Hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ và phát triển truyền thông thuộc chức năng nhiệm vụ của UBND giai đoạn 2015 - 2020	- Nâng cấp Phòng đặt máy chủ - Nâng cấp thiết bị mạng, máy chủ, lưu trữ, bảo mật. - Nâng cấp hệ thống phần mềm	Tại Cơ quan Ủy ban Dân tộc, 80 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội	- Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin (nâng cấp phòng máy chủ, hệ thống mạng, máy chủ, lưu trữ, bảo mật) để đảm bảo hoạt động tốt hệ thống truyền thông của UBND; - Xây dựng, nâng cấp hệ thống phần mềm Công thông tin điện tử hiện tại nhằm tích hợp, thiết lập hệ thống cung cấp dịch vụ công, truyền thông mới; - Xây dựng phần	2015- 2017	Ngân sách trung ương	Đang triển khai

T T	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp/Dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Phạm vi đầu tư	Nội dung đầu tư	Thời gian đầu tư	Nguồn vốn	Trạng thái triển khai
								mềm quản lý điều hành tác nghiệp và phần hệ trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử UBND; - Đào tạo hướng dẫn vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật, mạng, bảo mật.			
2	Nhiệm vụ: Thực hiện Phương án thu thập thông tin về thực trạng KT-XH của 53 DTTS theo Quyết định số 481/QĐ-	Trung tâm Thông tin	Ứng dụng CNTT phục vụ công tác dân tộc	Nhiệm vụ được giao năm 2016	- Thu thập thông tin, số liệu phản ánh thực trạng tình hình: Dân số và chất lượng dân số, phân bố dân cư, tiếp cận cơ sở hạ tầng, tình hình sản xuất, thu nhập và chi tiêu, nghèo đói, bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống, phòng chống tệ nạn xã hội.	- Xây dựng phần mềm nội bộ. - Cung cấp Phần mềm bán quyền/ Thương mại: Giấy phép phần mềm lõi dùng chung & phần mềm bán quyền thương mại của hệ thống. - Đào tạo và chuyển giao công nghệ toàn bộ hệ	Tại Cơ quan Ủy ban Dân tộc, 80 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội	- Xây dựng hệ thống CSDL thống kê về KT-XH của 53 dân tộc thiểu số, đảm bảo tích hợp trên cổng thông tin điện tử của UBND phục vụ quản lý, lưu trữ, khai thác và xử lý dữ liệu điều tra 53 dân tộc thiểu số năm 2015; - Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ	2016	Ngân sách trung ương	Đang triển khai

T T	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp/Dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Phạm vi đầu tư	Nội dung đầu tư	Thời gian đầu tư	Nguồn vốn	Trạng thái triển khai
	UBDT ngày 28/8/2015				tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, tình hình tôn giáo, di cư tự do, khiếu kiện, an ninh nông thôn... của 53 dân tộc thiểu số. - Tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Hệ thống chỉ tiêu thống kê về công tác dân tộc, phục vụ xây dựng và hoạch định chính sách phát triển KT-XH cho các vùng dân tộc thiểu số. Trên cơ sở kết quả đó sẽ hình thành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thống	thống		thu thập thông tin từ các Bộ ngành và các tỉnh, thành phố; tổ chức quản lý, xử lý và khai thác dữ liệu được thu thập; - Xây dựng phần mềm đào tạo trực tuyến đảm bảo hiệu quả vận hành của hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê về kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số			

T T	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp/Dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Phạm vi đầu tư	Nội dung đầu tư	Thời gian đầu tư	Nguồn vốn	Trạng thái triển khai
					kế về dân tộc thiểu số tại Việt Nam để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về công tác dân tộc giai đoạn 2016-2020.						
3	Nhiệm vụ: Nâng cấp hạ tầng CNTT	Trung tâm Thông tin	Ứng dụng CNTT phục vụ công tác dân tộc	Nhiệm vụ được giao năm 2016	Đảm bảo điều kiện hạ tầng cho nhu cầu vận hành, bảo trì và phát triển các hệ thống công nghệ thông tin tại cơ quan UBNDT.	Đáp ứng theo hạ tầng và các dịch vụ CNTT hiện có tại UBNDT.	Tại Cơ quan Ủy ban Dân tộc, 80 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội	Gia hạn bản quyền phần mềm, phần cứng bảo mật năm 2016; nâng cấp thiết bị quản trị hệ thống phòng họp trực tuyến của UBNDT	2016	Ngân sách trung ương	Đang triển khai
4	Bổ sung, mở rộng các chức năng phần mềm quản lý văn bản và điều hành				Thúc đẩy hiện đại hóa hành chính, giảm thời gian, chi phí hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, từng bước hình thành hệ thống		Tại Cơ quan Ủy ban Dân tộc, 80 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội	Nâng cấp, mở rộng phần mềm quản lý văn bản và điều hành đến tại Cơ quan UBNDT; triển khai thí điểm kết nối đến một số Ban Dân tộc các	2016	Ngân sách trung ương	Đang triển khai

T T	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp/Dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Phạm vi đầu tư	Nội dung đầu tư	Thời gian đầu tư	Nguồn vốn	Trạng thái triển khai
					mạng lưới quản lý hành chính điện tử các cấp			tin, thành			
5	Tiếp tục thực hiện Đề án xây dựng Bộ cơ sở dữ liệu các dân tộc thiểu số Việt Nam	Trung tâm Thông tin	Ứng dụng CNTT phục vụ công tác dân tộc	Nhiệm vụ được giao năm 2016	Ứng dụng CNTT nâng cao chất lượng quản lý, xây dựng chính sách, chương trình dự án hỗ trợ, phát triển trong lĩnh vực dân tộc, dân tộc thiểu số Việt Nam nhằm phát triển văn hóa, xã hội trong cộng đồng dân tộc thiểu số Việt Nam phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Xây dựng Bộ Cơ sở dữ liệu dân tộc thiểu số Việt Nam	Tại Cơ quan Ủy ban Dân tộc, 80 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội	Xây dựng, nâng cấp phần mềm quản lý, khai thác bộ Cơ sở dữ liệu các Dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2016	2016	Ngân sách trung ương	Đang triển khai
6	Thuê dịch vụ Công nghệ thông tin	Trung tâm Thông tin	Ứng dụng CNTT phục vụ	Nhiệm vụ được giao	Đảm bảo theo nguyên tắc nâng cao hiệu quả các dịch vụ CNTT (Công thông		Tại Cơ quan Ủy ban Dân tộc, 80 Phan Đình Phùng,	Thuê chỗ đặt máy chủ tại đơn vị cung cấp dịch vụ CNTT	2016	Ngân sách trung	Đang triển khai

T T	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp/Dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Phạm vi đầu tư	Nội dung đầu tư	Thời gian đầu tư	Nguồn vốn	Trạng thái triển khai
			công tác dân tộc	năm 2016	tin điện tử, thư điện tử, dịch vụ công, điều hành tác nghiệp...) Đảm bảo các yêu cầu về chất lượng dịch vụ, về công nghệ, quy trình cung cấp dịch vụ, tính liên tục, liên thông, kết nối, đồng bộ về ứng dụng CNTT chính phủ. Đảm bảo an toàn, bảo mật và tính riêng tư về thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước; tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn, an ninh thông tin.		Ba Đình, Hà Nội và đơn vị cung cấp dịch vụ CNTT.	(tối thiểu 04 máy chủ); thuê máy chủ ảo để cài đặt các dịch vụ của UBND (Cổng Thông tin điện tử, Thư điện tử, Điều hành tác nghiệp...)		ương	

8. Đánh giá chung

Năm 2016, công tác ứng dụng CNTT phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tiếp tục được quan tâm triển khai. Nhìn chung, mức độ ứng dụng CNTT tại các Vụ/đơn vị có nhiều chuyển biến, tuy nhiên vẫn còn sự chênh lệch lớn giữa các đơn vị đứng đầu và các đơn vị xếp cuối.

Sự quan tâm của lãnh đạo Ủy ban trong chỉ đạo, ban hành các văn bản liên quan đến kế hoạch ứng dụng CNTT, hoàn thiện các quy chế, quy định về sử dụng thư điện tử, phần mềm quản lý văn bản, Cổng thông tin điện tử, quy chế an toàn thông tin, khuyến khích ứng dụng CNTT và báo cáo định kỳ... đã được thực hiện tương đối tốt.

Hạ tầng kỹ thuật CNTT đã được quan tâm, đầu tư, đặc biệt trong công tác nâng cấp Cổng thông tin điện tử và an ninh mạng.

Các Vụ/đơn vị đã bố trí cán bộ chuyên trách về CNTT, các thành viên tổ Thư ký của Ban chỉ đạo CNTT đảm bảo công tác hỗ trợ và triển khai các mặt công tác của đơn vị. Lãnh đạo các Vụ/đơn vị đã tạo điều kiện thuận lợi cho công chức, viên chức được tham gia các lớp đào tạo về CNTT.

Các Vụ/đơn vị đều có sự quan tâm nâng cao hiệu quả khai thác các ứng dụng CNTT tại đơn vị, góp phần nâng cao mức độ ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý điều hành. Số lượng văn bản trao đổi trên môi trường mạng ngày càng tăng cao. Đa số công chức, viên chức đều sử dụng tốt thư điện tử trong công việc.

B. Những khó khăn hạn chế

Bên cạnh các kết quả đã đạt được, hoạt động ứng dụng CNTT của Ủy ban Dân tộc cũng còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế:

- Phần lớn máy vi tính của cán bộ, công chức, viên chức cấu hình thấp, không đảm bảo triển khai ứng dụng. Nhiều máy đã sử dụng trên 05 năm vẫn chưa được thay thế;

- Một số đơn vị sự nghiệp chưa được kết nối mạng riêng đến trụ sở Ủy ban;

- Đường truyền, mạng, hệ thống bảo mật, an toàn thông tin còn nhiều hạn chế;

- Tỷ lệ cán bộ chuyên trách được đào tạo về công nghệ thông tin chưa cao; chủ yếu được đào tạo cơ bản tại các trường trong nước, không có chứng chỉ quốc tế về CNTT;

- Thủ tục hành chính chưa được tin học hóa ở mức cao;

- Xây dựng Cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa triển khai đồng bộ, hiệu quả.

C. Đề xuất giải pháp khắc phục

1. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của Ban Chỉ đạo, Tổ Thư ký ứng dụng CNTT.

2. Kiện toàn tổ chức bộ máy của Đơn vị chuyên trách làm công nghệ thông tin theo hướng có chức năng quản lý nhà nước trong giai đoạn 2016-2021.

3. Tăng cường ban hành các văn bản ứng dụng CNTT trong cơ quan UBND: Triển khai, cụ thể hoá các văn bản của Chính phủ và các Bộ, ngành; xây dựng chính sách ưu đãi cho công chức, viên chức chuyên trách làm CNTT; tăng cường hoàn thiện các quy chế, quản lý hoạt động và quy trình kỹ thuật; hoàn thiện bộ tiêu chí xếp hạng ứng dụng CNTT theo khung xếp hạng hằng năm của Bộ Thông tin và Truyền thông...

4. Hướng dẫn các Vụ, đơn vị mua sắm, đầu tư mua sắm hạ tầng CNTT đảm bảo an toàn thông tin phục vụ công việc.

5. Tăng cường đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT các Vụ, đơn vị, công bố trong các cuộc họp giao ban của Lãnh đạo Ủy ban, Hội đồng Thi đua khen thưởng, gửi thư điện tử thông báo cho các Vụ, đơn vị.

6. Tăng cường đào tạo tập huấn ứng dụng CNTT.

III. Mục tiêu ứng dụng CNTT năm 2017

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường đầu tư cho hạ tầng CNTT và nhân lực CNTT, triển khai đồng bộ, hiệu quả ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý, chỉ đạo và điều hành của hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ

- 100% cán bộ, công chức, viên chức tại UBND được trang bị máy vi tính cá nhân kết nối mạng, đảm bảo phục vụ tốt công tác chuyên môn;

- Đảm bảo trên 90% các văn bản, tài liệu nội bộ được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử có ứng dụng chữ ký số;

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được cung cấp hộp thư điện tử và thường xuyên sử dụng trong công việc;

- Đảm bảo khả năng kết nối phần mềm quản lý văn bản đến 100% cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh;

- Hoàn thiện các phần mềm nghiệp vụ phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, tạo môi trường trao đổi thông tin trực tuyến giữa hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc, đảm bảo các thông tin được quản lý trên một nền tảng thống nhất, đồng bộ, phát huy hiệu quả tổng thể.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu dân tộc thiểu số Việt Nam, xây dựng kế hoạch và từng bước tổng hợp và cập nhật thông tin cho cơ sở dữ liệu.

2.2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Đảm bảo toàn bộ các thủ tục hành chính được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử trong đó có một số dịch vụ công ở mức độ cao.

Thường xuyên cập nhật, cung cấp các thông tin về chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đến với đồng bào dân tộc thiểu số cũng như các tổ chức, doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử theo mô hình báo điện tử.

Xây dựng mô hình, hệ thống các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự cho các vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

IV. Nội dung kế hoạch

1. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

1.1. Xây dựng kiến trúc CPĐT UBND và xây dựng nền tảng chia sẻ dữ liệu dùng chung LGSP

Kiến trúc CPĐT là một bức tranh toàn diện về ứng dụng CNTT để tối ưu hóa các hoạt động nghiệp vụ của một cơ quan nhà nước. Từ kiến trúc CPĐT, các cơ quan nhà nước sẽ có:

- Mô tả mối quan hệ giữa kiến trúc của hệ thống CNTT và các hoạt động nghiệp vụ của cơ quan nhà nước, mô tả việc kết hợp CNTT và các hoạt động nghiệp vụ với nhau theo một cách hiệu quả nhất có thể.

- Cho phép định nghĩa việc kết nối giữa các thành phần, tận dụng các tài nguyên phần cứng, phần mềm, các thông tin dùng chung, cho phép giao tiếp, cộng tác, chia sẻ giữa thành phần ứng dụng CNTT, đồng thời tối ưu chúng để tạo ra hiệu quả cao nhất và tiết kiệm chi phí đầu tư.

Do đó, việc xây dựng kiến trúc CPĐT sẽ giúp cho việc thiết kế, tổ chức, triển khai CPĐT được tối ưu, đảm bảo không có các thành phần thừa, thiếu hoặc trùng lặp trong việc triển khai CPĐT, tạo ra những giá trị lớn hơn từ việc đầu tư phát triển CNTT để xây dựng CPĐT.

Ngày 21/04/2015, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành khung kiến trúc CPĐT tại Quyết định số 1178/BTTTT-THH làm cơ sở cho các bộ, ban, ngành, địa phương xây dựng kiến trúc chi tiết cho riêng đơn vị của mình. Tuy nhiên, các đơn vị cần xây dựng kiến trúc chi tiết của đơn vị dựa trên đặc thù hoạt động riêng của đơn vị mình.

Với chức năng quản lý nhà nước về các dân tộc trên toàn quốc, Việc xây dựng kiến trúc CPĐT sẽ giúp cho UBND giải quyết được các vấn đề trong phát triển ứng dụng CNTT, cụ thể như sau:

- Tối ưu hóa được hiệu quả hoạt động CNTT thông qua việc thực hiện được các nội dung sau:

✓ Xác định, đảm bảo chất lượng, an toàn các thông tin cụ thể cần kết nối, chia sẻ giữa UBND với các vùng, miền, dân tộc, thông CNTT.

✓ Xác định, đảm bảo chất lượng, an toàn được các dịch vụ cần kết nối, chia sẻ giữa UBND với các vùng, miền, dân tộc thông qua công nghệ thông tin.

✓ Xác định, tối ưu các chức năng các ứng dụng, cơ sở dữ liệu của UBND như cơ sở dữ liệu dân tộc xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ lãnh đạo trên Ipad, ... Và cách thức kết nối, chia sẻ thông tin phù hợp, nhanh chóng, thuận lợi giữa các hệ thống này.

✓ Xác định, tối ưu hóa các hoạt động nội bộ của cán bộ, công chức của UBND như kết nối văn bản điều hành, thư điện tử, kết nối thông tin dân tộc từ địa phương lên cổng thông tin của UBND, cách thức ứng dụng chữ ký số hiệu quả...

✓ Xác định hạ tầng kỹ thuật cần triển khai, nâng cấp, tối ưu hóa như trung tâm dữ liệu, hệ thống mạng LAN, WAN Internet, nâng cấp các thiết bị phần cứng.

✓ Xác định các chính sách, nguồn nhân lực cần thiết để đảm bảo hoạt động ứng dụng CNTT được thực hiện một cách hiệu quả.

- Tối ưu hóa đầu tư CNTT:

✓ Dựa trên phân tích trong kiến trúc; UBND sẽ được ra được lộ trình triển khai CNTT một cách cụ thể, khoa học đảm bảo việc đầu tư CNTT hiệu quả theo từng giai đoạn.

✓ Đảm bảo tối ưu hóa nguồn vốn cũng như đề xuất, phân tích các cách thức đầu tư như sử dụng ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ hay xã hội hóa.

- Chuẩn hóa các quy trình và CNTT

✓ Chuẩn hóa các quy trình hoạt động của UBND dựa trên CNTT

✓ Chuẩn hóa các thông tin, dữ liệu, ứng dụng, dịch vụ, hạ tầng CNTT của UBND; đảm bảo việc kết nối các hoạt động nội bộ cũng như bên ngoài UBND được thực hiện nhanh chóng, thông suốt.

Việc xây dựng kiến trúc CPĐT của UBND sẽ giúp cho việc xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển ứng dụng CNTT và CPĐT của UBND có hiệu quả cao, các chương trình, dự án đi sát thực tế, yêu cầu của CPĐT UBND cũng như đáp ứng đúng các yêu cầu trong các Chỉ thị, Nghị quyết, Chỉ đạo của Đảng, Chính phủ trong phát triển ứng dụng CNTT và CPĐT.

Về mặt chủ trương, việc xây dựng kiến trúc CPĐT của UBND đáp ứng yêu cầu của Chính phủ tại Quyết định 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016, trong đó yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang bộ, các xây dựng, duy trì, cập nhật Kiến trúc CPĐT làm căn cứ xây dựng, triển khai các kế hoạch ứng dụng CNTT.

1.2. Hệ thống máy chủ

Xây dựng, duy trì và phát triển hệ thống máy chủ tại cơ quan UBND theo chuẩn các DC (Data Center), phục vụ các dịch vụ nội bộ trong chỉ đạo, điều hành của UBND như hệ thống thư điện tử, hệ thống điều hành tác nghiệp, Cơ sở dữ liệu dân tộc; định hướng thuê dịch vụ CNTT đối với hạ tầng các ứng dụng Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thư điện tử, Trang thông tin Chương trình 135, các cổng thông tin thành phần, truyền thông đa phương tiện, cơ sở dữ liệu thống kê về kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số...

Đầu tư, nâng cấp hạ tầng máy chủ đáp ứng nhu cầu hoạt động các dịch vụ và ứng dụng; đầu tư hệ thống hạ tầng dịch vụ phục vụ ứng dụng chữ ký số tại UBND; đầu tư hạ tầng lưu trữ tập trung phục vụ quản lý dữ liệu tập trung và sao lưu dữ liệu theo nhu cầu quản lý.

Đầu tư, nâng cấp các phần mềm hệ thống (hệ điều hành máy chủ, phần mềm cơ sở dữ liệu, các công cụ lập trình, quản lý và phát triển hệ thống) bằng phần mềm bản quyền đầy đủ để đảm bảo cho hệ thống được hoạt động ổn định và an toàn.

1.3. Hệ thống mạng và đường truyền Internet

Chuẩn hóa sơ đồ hệ thống mạng LAN tại UBND, nâng cấp các thiết bị kết nối mạng, đảm bảo kết nối của hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc với các ứng dụng dùng chung; tăng cường các thiết bị kết nối trực chính; Duy trì, nâng cấp hướng đến hoàn thiện hệ thống mạng LAN (có dây và không dây); trang bị thêm thiết bị trên đường trực chính đảm bảo tính tương thích, đồng bộ cùng với việc cài đặt hệ thống fail-over, cân bằng tải (load-balancing)...

Duy trì, mở rộng hệ thống mạng WAN của UBND kết nối các đơn vị trực thuộc, cơ quan địa phương. Nâng cấp thiết bị mạng riêng ảo VPN hỗ trợ khả năng kết nối đa điểm; nâng cấp các đường truyền kết nối trực tuyến đến hệ thống ứng dụng và dịch vụ của UBND.

Đảm bảo tại trụ sở chính có 02 đường truyền Internet tốc độ cao (leased line), 01 đường truyền hoạt động chính thức và 01 đường truyền dự phòng.

Đường truyền cần nâng cấp đồng bộ các đường kết nối cáp quang của Công ty Viễn thông quân đội Viettel với đường truyền Leased Line của Cục Bưu điện Trung ương và Công ty VTC. Đường truyền Internet tốc độ cao đảm bảo chất lượng kết nối VPN site-to-site tại các đơn vị sự nghiệp, các vụ địa phương và Văn phòng đại diện Thành phố Hồ Chí Minh với hệ thống mạng nội bộ tại UBND.

1.4. Hệ thống máy trạm

Đầu tư, nâng cấp máy PC cho cán bộ, công chức, viên chức của UBND, đảm bảo đạt tỷ lệ 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính đảm bảo cho nhu cầu triển khai nghiệp vụ chuyên môn.

Đầu tư trang bị phần mềm bản quyền cho toàn bộ hệ thống máy trạm (hệ điều hành, phần mềm văn phòng, phần mềm diệt virus...) đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn.

1.5. Hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

Trang bị bổ sung các thiết bị/phần mềm bảo mật chuyên dụng cho các lớp ứng dụng, các dịch vụ bảo mật lớp trong theo phân vùng mạng. Bổ sung phần mềm phòng chống, diệt virus, malware tại các máy trạm đảm bảo tính an ninh, an toàn thông tin trên toàn hệ thống cũng như tại vị trí của từng người sử dụng; gia hạn bảo quyền cho các thiết bị bảo mật hệ thống mạng, các ứng dụng và hệ thống Thư điện tử; ứng dụng chữ ký số đảm bảo an toàn thông tin. Đầu tư, nâng cấp hệ thống tường lửa, hệ thống phát hiện và phòng, chống truy cập trái phép; bổ sung thiết bị bảo mật cho 03 đơn vị sự nghiệp và 01 thiết bị cho Văn phòng đại diện Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị tham gia mạng chuyên dùng của UBND được trang bị giải pháp đảm bảo an toàn bảo mật trên mạng (thiết bị phần cứng, phần mềm an ninh mạng, phát hiện và chống xâm nhập) nhằm đảm bảo tất cả các thông tin chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng chuyên dùng được bảo đảm toàn vẹn. Chuẩn hóa hệ thống mạng của các đơn vị trực thuộc, các đơn vị sự nghiệp theo hướng khai thác hiệu quả sử dụng nhưng vẫn bảo đảm tốt nhất an toàn thông tin; triển khai ứng dụng chữ ký số đảm bảo an toàn, an ninh thông tin bí mật nhà nước.

Đảm bảo tất cả các Vụ đơn vị, văn phòng đại diện, các đơn vị sự nghiệp có quy trình và thực hiện quy trình an toàn bảo mật cho hạ tầng thông tin tại đơn vị mình như áp dụng các công nghệ xác thực, cơ chế quản lý quyền truy cập vào mạng và các thiết bị lưu trữ; kiểm soát việc chặt chẽ việc cài đặt mới các phần mềm lên máy chủ và máy trạm.

Đảm bảo 100% các máy chủ tại các đơn vị được cài đặt các phần mềm (hệ điều hành, chương trình diệt virus...) có bản quyền để được cập nhật thường xuyên các bản vá lỗi hệ thống.

Tất cả các hệ thống thông tin từ Ủy ban cho đến các đơn vị trực thuộc có các thiết bị lưu trữ dữ liệu và áp dụng các quy trình sao lưu, dự phòng dữ liệu cần thiết theo yêu cầu.

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan

2.1. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành

Duy trì kết nối liên thông với Trục liên thông Chính phủ trên mạng chuyên dụng số liệu; cài đặt, kết nối phần mềm quản lý văn bản đến Ban Dân tộc các tỉnh/thành phố; Hoàn thiện và ban hành Quy chế về quản lý, sử dụng và khai thác hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

2.2. Hệ thống thư điện tử

Nâng cấp hệ thống thư điện tử phục vụ cho toàn bộ cán bộ làm công tác dân tộc phục vụ công tác trao đổi văn bản, chỉ đạo điều hành cho toàn bộ cán bộ làm công tác dân tộc (UBDT, các Ban Dân tộc, Phòng Dân tộc...); tăng cường nhận thức, trình độ và kỹ năng khai thác ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành, tác nghiệp.

2.3. Hệ thống hội nghị truyền hình

Nâng cấp hệ thống thiết bị, phần mềm bản quyền phòng họp trực tuyến tại Hà Nội, Đắk Lắk, Cần Thơ, Văn phòng đại diện thành phố Hồ Chí Minh và các Ban Dân tộc phục vụ các cuộc họp tại UBDT, giảm chi phí hành chính, thời gian đi lại của các đơn vị tại địa phương.

2.4. Các hệ thống phần mềm phục vụ nghiệp vụ chuyên môn

Hệ thống thông tin phục vụ chuyên môn giai đoạn 2016-2020 bao gồm 12 phân hệ (Quyết định số 318/QĐ-UBDT ngày 21/06/2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBDT phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan UBDT giai đoạn 2016-2020), năm 2016 triển khai 03 phân hệ sau:

(1) Quản lý, theo dõi các ấn phẩm (ảnh, video...) và bài viết về các dân tộc thiểu số tích hợp phần mềm tòa soạn điện tử;

(2) Phần mềm quản lý thư viện sách, báo và tạp chí;

(3) Quản lý công tác thông tin, báo cáo của ngành.

Để đảm bảo hệ thống thông tin phục vụ nghiệp vụ chuyên môn trên đây triển khai đồng bộ, nâng cao năng lực làm việc trên môi trường mạng của cán bộ, công chức, viên chức, đẩy mạnh cải cách hành chính, cần phải có nguồn kinh phí đầu tư đồng bộ và tập trung, đi đôi với xây dựng hành lang pháp lý cho từng nội dung.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ doanh nghiệp và người dân

3.1. Hệ thống Cổng thông tin điện tử

Thường xuyên cập nhật thông tin và rà soát nội dung trên Cổng thông tin điện tử của UBND theo Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011 của Chính phủ, nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch, cung cấp thông tin phục vụ tốt cho các tổ chức, doanh nghiệp và công dân:

- Cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, tạo nhận thức đúng đắn, cổ vũ, động viên đồng bào các dân tộc thực hiện tốt chính sách dân tộc, đoàn kết giúp nhau cùng tiến bộ;

- Tiếp tục xây dựng và duy trì các kênh/cổng thông tin thành phần;

- Xây dựng diễn đàn đối thoại trực tuyến về công tác dân tộc nhằm phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch.

3.2. Dịch vụ công trực tuyến

- Triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ cao (công tác thi đua khen thưởng; công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại-tổ cáo).

- Xây dựng Cổng thông tin đối ngoại phục vụ hợp tác quốc tế, giúp cho bạn bè trên thế giới có thể tìm hiểu về cộng đồng các dân tộc Việt Nam; là kênh thông tin truyền thông, kêu gọi các tổ chức, đơn vị tài trợ cho vùng đồng bào dân tộc và miền núi.

- Xây dựng các ứng dụng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn ngành công tác dân tộc nhằm thúc đẩy hiện đại hóa hành chính từng bước triển khai CPĐT trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc;

- Ứng dụng công nghệ trực tuyến trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác dân tộc (E-Learning), tích hợp hệ thống thông tin quản lý trường học và hệ thống truyền phát trực tuyến trên nền tảng công nghệ đa phương tiện.

3.3. Xây dựng mô hình, hệ thống thông tin phục vụ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự cho vùng đồng bào DTTS và miền núi

Xây dựng Hệ thống thông tin hỗ trợ giao dịch việc làm cho lao động người dân tộc thiểu số nhằm tư vấn, hướng nghiệp và đào tạo nguồn nhân lực là người lao động dân tộc thiểu số, tạo cơ hội cho người lao động tìm kiếm việc làm phù hợp với khả năng và trình độ.

Ứng dụng công nghệ ảnh và video 360⁰ phục vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

4. Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành

Qua nhiều năm, UBNDT đã từng bước tiến hành thu thập, phát triển cơ sở dữ liệu dân tộc, nhưng do kinh phí hạn chế, phương pháp thực hiện chưa phù hợp, nên dữ liệu còn hạn chế, cơ sở dữ liệu qua các năm đã được UBNDT thu thập, tổng hợp nhưng do không được lưu trữ tập trung, đồng bộ, thiết bị lưu trữ không đảm bảo dẫn đến khó khăn trong công tác quản trị, vận hành hệ thống và phát triển cơ sở dữ liệu; đồng thời khó khăn trong công tác tra cứu, khai thác của cán bộ làm công tác dân tộc, dữ liệu không có khả năng chia sẻ, kết nối liên thông đến các Bộ ngành và Ban Dân tộc các tỉnh, thành phố.

Trong thời gian tới, UBNDT tiếp tục phối hợp với các cơ quan, bộ ngành thu thập, tiếp nhận, kết nối dữ liệu liên quan đến dân tộc thiểu số; xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về dân tộc thiểu số Việt Nam một cách đồng bộ, thống nhất phục vụ cho các cơ quan, tổ chức làm công tác dân tộc trong việc xây dựng, hoạch định và thực hiện chính sách dân tộc, hỗ trợ phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi.

5. Phát triển nguồn nhân lực

Tiếp tục triển khai Nghị định số 64/2007/NĐ-CP và Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 01/06/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực CNTT đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020:

- Đẩy mạnh việc phổ cập kiến thức và kỹ năng ứng dụng CNTT. Đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo về ứng dụng CNTT trong công việc.

- + Đào tạo sử dụng thành thạo Hệ điều hành và các ứng dụng văn phòng, Internet, email...: 200 lượt người/năm;

- + Đào tạo sử dụng thành thạo các ứng dụng của hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp theo chuyên môn được giao: 200 lượt người/năm;

- + Đào tạo khai thác và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu dân tộc: 500 lượt người (nằm trong Dự án cơ sở dữ liệu dân tộc);

+ Đào tạo thường xuyên về các ứng dụng và giới thiệu các công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin: 100 lượt người/năm;

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan chuyên ngành liên quan tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách CNTT, đáp ứng yêu cầu quản lý và triển khai các nhiệm vụ chuyên môn được giao. Nội dung các khóa đào tạo cần tập trung chuyên sâu:

+ Về xây dựng, triển khai và quản lý các dự án công nghệ thông tin: 04 người.

+ Về năng lực quản trị và phát triển hệ thống hạ tầng mạng: 06 người.

+ Về năng lực quản trị và phát triển hệ thống Cơ sở dữ liệu dân tộc, Công Thông tin điện tử tích hợp hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp: 12 người.

+ Về năng lực quản trị và triển khai các hệ thống an toàn, an ninh và bảo mật hệ thống thông tin: 06 người.

+ Về năng lực quản trị và phát triển Công thông tin điện tử UBND (bao gồm cả nội dung Công thông tin): 15 người.

Tổ chức các khóa tập huấn về ứng dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành cho đội ngũ cán bộ của UBND và cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh.

Tổ chức các khóa tập huấn về quản lý và cập nhật tin bài Công Thông tin thành phần của các Vụ, đơn vị.

Tổ chức các khóa tập huấn về quản lý, duy trì và cập nhật thông tin vào phần mềm quản lý Bộ cơ sở dữ liệu các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT, đáp ứng khả năng quản trị và phát triển hệ thống thông tin của UBND phù hợp với công nghệ hiện đại cũng như đảm bảo an ninh, an toàn thông tin.

V. Giải pháp

1. Giải pháp môi trường chính sách:

Xây dựng, ban hành quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử; các chính sách nhằm giảm giấy tờ, tăng cường chia sẻ thông tin; các quy định về an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin. Bảo đảm tận dụng triệt để hạ tầng kỹ thuật được trang bị trong trao đổi các văn bản hành chính giữa các Vụ, đơn vị trực thuộc Ủy ban nói riêng và giữa các cơ quan dân tộc với các cơ quan, tổ chức bên ngoài nói chung.

Hoàn thiện các văn bản quy định về tài chính phù hợp đặc thù ứng dụng công nghệ thông tin, có tác động thúc đẩy ứng dụng CNTT, bao gồm: Bảo đảm kinh phí thường xuyên cho ứng dụng CNTT; ưu tiên biên chế cán bộ CNTT; ban hành khung chế độ ưu đãi với cán bộ chuyên trách về CNTT.

2. Giải pháp tài chính

- Nguồn vốn đầu tư cho ứng dụng CNTT chủ yếu từ ngân sách nhà nước. Trong kế hoạch ngân sách hàng năm phải đảm bảo bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn chi sự nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc.

- Tập trung vốn cho các chương trình, dự án trọng điểm trên cơ sở cân đối nguồn ngân sách chi cho hoạt động CNTT hàng năm. Bố trí vốn kịp thời, đơn giản các thủ tục, kiểm tra thực hiện, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn chi cho ứng dụng CNTT.

- Tăng cường nguồn lực đầu tư cho ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước, đặc biệt tạo cơ chế phối hợp với các doanh nghiệp triển khai các ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước.

3. Giải pháp triển khai

Xác định nhiệm vụ ứng dụng CNTT là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công cuộc cải cách hành chính, đánh giá kết quả ứng dụng CNTT là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động và cải cách hành chính của các Vụ, đơn vị, gắn với công tác đánh giá cán bộ, công tác thi đua khen thưởng của UBND.

4. Giải pháp đảm bảo an toàn thông tin

Tiếp tục triển khai Nghị định số 64/2007/NĐ-CP và Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 01/06/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực CNTT đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT, nâng cao năng lực của các thành viên Tổ Thư ký giúp việc Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường hoạt động kiểm tra, đánh giá của Ban Chỉ đạo nhằm tham mưu kịp thời với Lãnh đạo Ủy ban trong quá trình triển khai kế hoạch;

Đơn vị chuyên trách về CNTT cần chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, đề xuất, xây dựng triển khai mô hình thí điểm về ứng dụng và phát triển CNTT, tổ chức tổng kết, đánh giá nhân rộng mô hình thành công;

Kiến toàn tổ chức, bộ máy của đơn vị chuyên trách về CNTT đảm bảo về số lượng và chất lượng của cán bộ chuyên trách về CNTT;

Tăng cường vai trò, nguồn lực cho Tổ ứng cứu sự cố khẩn cấp hệ thống để có đủ kỹ năng cơ bản, xây dựng kịch bản thử nghiệm, phòng ngừa các sự cố có thể diễn ra;

Tại các Vụ đơn vị: Xây dựng tổ chức Bộ phận CNTT trực thuộc đảm bảo đủ biên chế để triển khai một số nhiệm vụ cơ bản: quản trị hạ tầng mạng riêng, phần mềm điều hành tác nghiệp, hệ thống hợp trực tuyến, thống kê và tổng hợp;

Tại các cơ quan làm công tác dân tộc địa phương, bố trí tối thiểu 01 cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm quản trị mạng riêng, phần mềm điều hành tác nghiệp, báo cáo tổng hợp và thống kê;

Đẩy mạnh việc phổ cập kiến thức và kỹ năng ứng dụng CNTT; đảm bảo cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo về ứng dụng CNTT phục vụ công việc;

Đào tạo sử dụng thành thạo Hệ điều hành tác nghiệp và các ứng dụng văn phòng, Internet, email...: (bao gồm cả cán bộ Ban Dân tộc tỉnh).

Đào tạo thường xuyên về các ứng dụng và giới thiệu các công nghệ mới trong lĩnh vực CNTT;

Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan chuyên ngành liên quan tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách CNTT, đáp ứng yêu cầu quản lý và triển khai các nhiệm vụ chuyên môn được giao. Nội dung các khóa đào tạo cần tập trung chuyên sâu:

- + Về xây dựng, triển khai và quản lý các dự án CNTT;
- + Về năng lực quản trị và phát triển hệ thống hạ tầng mạng;
- + Về năng lực quản trị và phát triển hệ thống Cơ sở dữ liệu, Cổng Thông tin điện tử tích hợp hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp;
- + Về năng lực quản trị và triển khai các hệ thống an toàn, an ninh và bảo mật hệ thống thông tin (Quyết định số 99/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án "Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020").

Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm về lĩnh vực ứng dụng CNTT và truyền thông hợp tác, trao đổi kinh nghiệm về lĩnh vực ứng dụng CNTT và truyền thông.

5. Giải pháp tổ chức:

Hoàn thiện đơn vị chuyên trách về CNTT của UBND, đảm bảo tốt về chất lượng, đủ về số lượng:

- Tại đơn vị chuyên trách về CNTT: Trên cơ sở vị trí việc làm, đảm bảo đủ số lượng 52 người để triển khai các hoạt động thường xuyên của hệ thống thông tin UBND theo định hướng ổn định, đáp ứng được mục tiêu xây dựng CPĐT tại Ủy ban Dân tộc; thành lập Cục Công nghệ thông tin trên cơ sở Trung tâm Thông tin hiện nay để việc triển khai ứng dụng CNTT được tốt hơn;

- Tại các Vụ Địa phương: Xây dựng khung tổ chức Bộ phận CNTT trực thuộc các Vụ địa phương, đảm bảo đủ biên chế cho các nghiệp vụ: Quản trị hệ thống hạ tầng, quản trị hệ thống ứng dụng điều hành tác nghiệp, thống kê và tổng hợp thông tin khu vực;

- Tại các cơ quan làm công tác dân tộc địa phương (Ban Dân tộc tỉnh và Phòng dân tộc huyện), bố trí tối thiểu 01 cán bộ (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm) tổng hợp thông tin và báo cáo thường xuyên thông qua hệ thống thông tin của UBND.

6. Các giải pháp khác

Nâng cao nhận thức, vai trò của các đồng chí lãnh đạo, gương mẫu, đi đầu trong việc ứng dụng CNTT.

Khuyến khích các đơn vị và cá nhân tham gia, góp phần cho dự án CNTT thành công, phát huy vai trò của CNTT trong công tác chuyên môn.

Tăng cường gắn kết trên nhiều phương diện giữa công chức, viên chức với cán bộ làm CNTT qua các kênh kết nối như: diễn đàn hỗ trợ, chia sẻ tài liệu, kinh nghiệm, hỏi đáp các kiến thức, kỹ năng, đào tạo trực tuyến về CNTT...

Tạo cơ chế, nguồn lực để nâng cao vai trò, phát huy tính sáng tạo, nhiệt huyết của các cán bộ CNTT trẻ, đặc biệt là Đoàn thanh niên trong việc đề xuất, áp dụng sáng kiến, tiến bộ khoa học của CNTT vào công việc.

VI. Danh mục nhiệm vụ, dự án

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp/Dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Thời gian triển khai	Nội dung đầu tư năm 2017	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn	Kinh phí đầu tư năm 2017
1	Dự án: Xây dựng, nâng cấp hệ thống Công thông tin tích hợp dịch vụ công và phần mềm quản lý điều hành tác nghiệp cho UBND	Trung tâm Thông tin	Ứng dụng CNTT phục vụ công tác dân tộc	Chuyển tiếp từ năm 2015	Hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ và phát triển truyền thông thuộc chức năng nhiệm vụ của UBND giai đoạn 2015 - 2020	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp Phòng đặt máy chủ - Nâng cấp thiết bị mạng, máy chủ, lưu trữ, bảo mật. - Nâng cấp hệ thống phần mềm 	Tại Cơ quan UBND, 80 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội	2015-2017	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng phần mềm quản lý điều hành tác nghiệp và phần hệ trực tuyến trên Công thông tin điện tử UBND; - Đào tạo hướng dẫn vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật, mạng, bảo mật. 		Ngân sách trung ương	
2	Nhiệm vụ: Nâng	Trung tâm	Ứng dụng	Nhiệm vụ	Đảm bảo điều kiện hạ tầng	Đáp ứng theo hạ tầng và các	Tại Cơ quan Ủy ban Dân		Gia hạn bản quyền phần mềm,		Ngân sách trung ương	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp/Dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Thời gian triển khai	Nội dung đầu tư năm 2017	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn	Kinh phí đầu tư năm 2017
	cấp hạ tầng CNTT	Thông tin	CNTT phục vụ công tác dân tộc	được giao năm 2016	cho nhu cầu vận hành, bảo trì và phát triển các hệ thống công nghệ thông tin tại cơ quan UBND.	dịch vụ CNTT hiện có tại UBND.	tộc, 80 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội		phần cứng bảo mật; nâng cấp thiết bị quản trị hệ thống phòng họp trực tuyến của UBND			
3	Tiếp tục thực hiện Đề án xây dựng Bộ CSDL các DTTS Việt Nam	Trung tâm Thông tin	Ứng dụng CNTT phục vụ công tác dân tộc	Nhiệm vụ được giao năm 2016	Ứng dụng CNTT nâng cao chất lượng quản lý, xây dựng chính sách, chương trình dự án hỗ trợ, phát triển trong lĩnh vực DTTS	Xây dựng Bộ Cơ sở dữ liệu DTTS Việt Nam	Tại Cơ quan Ủy ban Dân tộc, 80 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội		Xây dựng, nâng cấp phần mềm quản lý, khai thác bộ Cơ sở dữ liệu các DTTS Việt Nam năm 2016		Ngân sách trung ương	
4	Thuê dịch vụ Công	Trung tâm Thông tin	Ứng dụng CNTT	Nhiệm vụ được	Đảm bảo theo nguyên tắc nâng cao hiệu		Tại Cơ quan Ủy ban Dân tộc, 80 Phan		Thuê chỗ đặt máy chủ tại đơn vị cung cấp dịch vụ		Ngân sách trung ương	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp/Dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Thời gian triển khai	Nội dung đầu tư năm 2017	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn	Kinh phí đầu tư năm 2017
	nghệ thông tin	tin	phục vụ công tác dân tộc	giao năm 2016	<p>quá các dịch vụ CNTT (Công thông tin điện tử, thư điện tử, dịch vụ công, điều hành tác nghiệp...).</p> <p>Đảm bảo các yêu cầu về chất lượng dịch vụ, về công nghệ, quy trình cung cấp dịch vụ, tính liên tục, liên thông, kết nối, đồng bộ về ứng dụng CNTT chính phủ.</p> <p>Đảm bảo an</p>		Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội và đơn vị cung cấp dịch vụ CNTT.		CNTT (tối thiểu 04 máy chủ); thuê máy chủ ảo để cài đặt các dịch vụ của UBND (Công Thông tin điện tử, Thư điện tử, Điều hành tác nghiệp...)			

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp/Dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Thời gian triển khai	Nội dung đầu tư năm 2017	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn	Kinh phí đầu tư năm 2017
					toàn, bảo mật và tính riêng tư về thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước; tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn, an ninh thông tin.							
5	Xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp Bộ	Trung tâm Thông tin	Ứng dụng CNTT phục vụ công tác dân tộc	Dự án mới	Đảm bảo nền tảng chia sẻ cấp Bộ theo yêu cầu	Xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp Bộ (LGSP) theo hướng dẫn tại văn bản số 1178 ngày 21/4/2015 của Bộ TT&TT	Tại Cơ quan UBĐT, 80 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội	2017	Xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp Bộ (LGSP)		Ngân sách trung ương	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp/Dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Thời gian triển khai	Nội dung đầu tư năm 2017	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn	Kinh phí đầu tư năm 2017
6	Dự án "Ứng dụng công nghệ trực tuyến trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác dân tộc	Trung tâm Thông tin	Ứng dụng CNTT phục vụ công tác dân tộc	Dự án mới	Tạo môi trường học tập, dễ tiếp cận, tiết kiệm và đạt hiệu quả cao trong đào tạo	Xây dựng hệ thống, nội dung đào tạo trực tuyến cho toàn thể CB, CC, VC làm công tác dân tộc trong hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương: - Xây dựng hạ tầng CNTT, thiết bị xây dựng bài giảng điện tử - Xây dựng CSDL cán bộ làm công tác dân tộc	Tại Cơ quan UBĐT, 80 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội	2017-2020	- Xây dựng hạ tầng CNTT, thiết bị xây dựng bài giảng điện tử - Xây dựng CSDL cán bộ làm công tác dân tộc - Xây dựng phần mềm ứng dụng trực tuyến trong đào tạo, quản lý		Ngân sách trung ương	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp/Dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Thời gian triển khai	Nội dung đầu tư năm 2017	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn	Kinh phí đầu tư năm 2017
						<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng phần mềm ứng dụng trực tuyến trong đào tạo, quản lý - Xây dựng hệ thống bài giảng trực tuyến 						
7	Xây dựng hệ thống thư viện điện tử ngành công tác dân tộc	Trung tâm Thông tin	Ứng dụng CNTT phục vụ công tác dân tộc	Dự án mới	Xây dựng hệ thống CSDL thư viện số tổng hợp thông tin về công tác dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng phần mềm thư viện số - Trang bị thiết bị hạ tầng CNTT phục vụ yêu cầu quản lý, khai thác - Số hóa tư liệu công tác 	Tại Cơ quan UBĐT, 80 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội	2017-2020	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng phần mềm thư viện số - Trang bị thiết bị CNTT phục vụ yêu cầu quản lý, khai thác 		Ngân sách trung ương	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp/Dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Thời gian triển khai	Nội dung đầu tư năm 2017	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn	Kinh phí đầu tư năm 2017
						dân tộc						
8	Xây dựng hệ thống báo cáo thống kê ngành dân tộc	Trung tâm Thông tin	Ứng dụng CNTT phục vụ công tác dân tộc		Xây dựng hệ thống báo cáo thống kê ngành công tác dân tộc theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống phần mềm cập nhật, khai thác - Trang bị thiết bị hạ tầng CNTT phục vụ yêu cầu quản lý, khai thác 	Tại Cơ quan UBND, 80 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội	2017-2020	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống phần mềm cập nhật, khai thác - Trang bị thiết bị hạ tầng CNTT phục vụ yêu cầu quản lý, khai thác 		Ngân sách trung ương	

VII. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Thông tin

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; sơ kết tình hình thực hiện hàng quý, đề xuất các giải pháp cụ thể để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, trình Lãnh đạo Ủy ban.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, lập dự án, dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

2. Vụ Kế hoạch – Tài chính

- Bố trí kinh phí đã được cân đối theo dự toán chi ngân sách hàng năm cho các dự án/nhiệm vụ trong Kế hoạch ứng dụng CNTT của cơ quan Ủy ban Dân tộc năm 2016.

- Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc năm 2017./.



ỦY BAN DÂN TỘC